

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

M.S.N.

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
TÊN SẢN PHẨM: BÁNH MUFFIN SOCOLA NEW
Số:180/TCB-FJM/2026

Tên công ty: CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 142, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.3942.4565 – Website: fujimart.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 180/TCB-FJM/2026

I/ Thông tin tổ chức tự công bố:

- Tên công ty: **CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM**
- Địa chỉ: Số 142, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024-3942-4565 E-mail: thuy.nth@fujimart.vn
- Mã số doanh nghiệp: 0108432911
- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATVSTP:
 - + Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam – số 58/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 20/5/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội.
 - + Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – số 67/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 30/5/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội.
 - + Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – số 132/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 13/09/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội
 - + Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – số 04 /GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 20/01/2026, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội

II/ Thông tin sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Bánh muffin socola new
2. Thành phần: Bột trộn 561V, trứng gà, dầu ăn, nước, bột cacao (4,2%), socola chip (2,1%), hạnh nhân.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 02 ngày kể từ ngày sản xuất
4. Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm ăn liền
5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 60g, 80g, 100g, 150g, Quy cách có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi PA, PP, OPP/CPP, hộp nhựa, hộp giấy, túi giấy được phép dùng trong thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
 - Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam

Sản phẩm của Công ty: **CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM**

Địa chỉ trụ sở: Số 142, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- ❖ Sản xuất tại các địa điểm kinh doanh trực thuộc Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam
 - Địa điểm kinh doanh số 3: Tầng 1 và 2, Tòa nhà Oriental Tower, 324 Tây Sơn, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội
 - Địa điểm kinh doanh số 5: Tầng 1, Tổ hợp thương mại văn phòng cho thuê Machinco 1, số 10 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- ❖ Sản xuất tại các địa điểm kinh doanh thuộc Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam
 - Địa điểm kinh doanh : Số 142, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội.
 - Địa điểm kinh doanh số 2: Số 89 Bùi Ngọc Dương, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội.
 - Địa điểm kinh doanh số 8: Tầng 1, 2 số 89 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội.
 - Địa điểm kinh doanh số 9: Số 4 Chính Kinh, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
 - Địa điểm kinh doanh số 10: Tầng 2, dự án Diamond Plaza, số 25 Lê Văn Lương, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

III/ Mẫu nhãn sản phẩm: Theo Thông tin mẫu nhãn đính kèm

Mẫu nhãn sản phẩm phù hợp với:

- Nghị định số 37/2026/ NĐ- CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm , hàng hóa
- Văn bản hợp nhất số 09 /VBHN-BYT ngày 06/09/2024 hợp nhất thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- Thông tư số 30/2026/TT- BHYT hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

IV/ Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm với:

1. Chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
Cd	mg/kg	0,1
Pb	mg/kg	0,2
Hg	mg/kg	0,05

2. Độc tố vi nấm theo QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
Alfatoxin B1	µg/kg	2
Alfatoxin tổng	µg/kg	4
Ochratoxin A	µg/kg	3
Deoxynivalenol	µg/kg	500

Zearalenone	µg/kg	50
-------------	-------	----

3. Chỉ tiêu vi sinh vật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10 ⁴
Coliforms	cfu/g	10
Escherichia coli	cfu/g	3
Staphylococcus aureus	cfu/g	10
Clostridium perfringen	cfu/g	10
Bacillus cereus	cfu/g	10
Tổng số bào tử nấm men nấm mốc	cfu/g	10 ²

4. Văn bản hợp nhất số 09 /VBHN-BYT ngày 06/09/2024 hợp nhất thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2026



YOSUKE NAGIRA

MẪU NHÃN DỰ KIẾN

Tên sản phẩm: Bánh muffin socola new

Thành phần: Bột trộn 561V, trứng gà, dầu ăn, nước, bột cacao (4,2%), socola chip (2,1%), hạnh nhân.

Ngày sản xuất: xem trên bao bì

Hạn sử dụng: 2 ngày kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm ăn liền

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng

Khối lượng tịnh: xem trên bao bì

Sản phẩm của: Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam

Địa chỉ: Số 142, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Sản xuất tại: (theo địa điểm sản xuất thực tế)

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (Nutrition facts)	
Thành phần dinh dưỡng (Nutritional ingredients)	Trên 100g (Serving size 100g)
Năng lượng	401 kcal
Carbohydrate	39,4 g
Chất béo	23,8 g
Protein	6,07 g
Natri	356 mg
Hàm lượng dinh dưỡng không thấp hơn 70% giá trị ghi trên nhãn	



Sac Ky Hai Dang



AR-242-2026-00003881-01-VI / 242-2026-001264 - Trang 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM

Số 142, Đường Lê Duẩn, Phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám
TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng: X4GD2608110254-HN-TA

Mã Số Mẫu : 242-2026-00003881

Tên mẫu/ Tên sản phẩm: Bánh Muffin Socola New
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu: 11/08/2026
Thời gian kiểm nghiệm: 11/08/2026 - 18/08/2026
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 18/08/2026

STT	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM			ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	KẾT QUẢ
1	VW0J0	VW	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	cfu/g	N79-R-RD2-TP-30102 (Tham khảo. AOAC 2014.05)	< 10 (LOQ=10)
2	VW0KQ	VW (a)	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022	4.0x10 ¹
3	VW0I8	VW (a)	<i>Bacillus cereus</i>	cfu/g	AOAC 980.31	< 10 (LOQ=10)
4	VW0JP	VW (a)	<i>Clostridium perfringens</i>	cfu/g	ISO 15213-2:2023	< 10 (LOQ=10)
5	VW0JR	VW (a)	<i>Coliforms</i>	cfu/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	< 10 (LOQ=10)
6	VW0JG	VW (a)	<i>Escherichia coli</i>	cfu/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	< 1 (LOQ=1)
7	VW0GZ	VW (a)	<i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/g	ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023	< 10 (LOQ=10)
8	VD157	VD (a)	Xơ Dinh Dưỡng	g/100 g	AOAC 991.43	2.31
9	VD6ZP	VD (a)	Natri (Na)	mg/100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	356
10	VW01P	VW (a)	Zearalenon	µg/kg	EN 15850:2010	< 20.0 (LOQ=20)
11	VW01Q	VW (a)	Deoxynivalenol	µg/kg	EN 15891:2010	< 200 (LOQ=200)
12	VW066	VW (a)	Chất đạm	g/100 g	TCVN 10034:2013	6.07
13	VW067	VW (a)	Ochratoxin A	µg/kg	N79-R-RD1-TP-9395 (Tham khảo TCVN 12599:2018; EN 16007:2011)	< 1.5 (LOQ=1.5)
14	VW072	VW (a)	Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	< 0.05 (LOQ=0.05)
15	VW073	VW (a)	Cadimi (Cd)	mg/kg	AOAC 2015.01	< 0.030 (LOQ=0.03)
16	VW074	VW (a)	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	AOAC 2015.01	< 0.020 (LOQ=0.02)
17	VW07W	VW (a)	Tro	g/100 g	N79-R-RD1-TP-9759 (2022) (Ref. TCVN 7765:2007 & TCVN 4071: 2009 & TCVN 5484:2002 & TCVN 9474:2012)	1.46
18	VW081	VW (a)	Chất béo	g/100 g	N79-R-RD1-TP-9756 (2022) (Ref. TCVN 8136:2009 & TCVN 6555:2017)	23.8
19	VW083	VW (a)	Độ ẩm	g/100 g	N79-R-RD1-TP 9762 (2022) (Ref. ISO 712:2009 & TCVN 8135: 2009 & TCVN 4069: 2009)	27.0
20	VWHGN	VW (a)	Aflatoxin B1	µg/kg	N79-R-RD1-TP 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003 & TCVN 7596:2007)	< 1.50 (LOQ=1.5)
21	VWHGN	VW (a)	Aflatoxin tổng số	µg/kg	N79-R-RD1-TP 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003 & TCVN 7596:2007)	< 1.50 (LOQ=1.5)
22	VWL74	VW	Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/100 g	FAO 2003 77	401
23	VWWS6	VW	Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	39.4

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

[1] Trụ sở chính: Lô E2b-3, Đường D6, Khu công nghệ cao, P. Tăng Nhơn Phú, TP. HCM. [2] Chi nhánh Cần Thơ: Đường số 8, KCN. Trà Nóc 2, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

[3] Chi nhánh Miền Bắc: Unit 7A, Nhà Xưởng Cao Tầng - Toà 1, Số 2, Đường Bk5, VSIP Bắc Ninh, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

Web: www.eurofins.vn

Điện thoại: (84.28) 7107 7879

Email: VN01_ASM_HN@eurofinsasia.com

Mã biểu mẫu: N79-P-AR-FO44032

Phiên bản: 1

Ngày hiệu lực: 01/07/2026

LOQ: Giới hạn định lượng.

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 24/08/2026 và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 24/08/2026

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu kiểm nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD" được thực hiện bởi phòng thử nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng (Địa chỉ: Lô E2b-3, đường D6, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VE" được thực hiện bởi phòng thử nghiệm Chi nhánh Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng tại Thành phố Cần Thơ (Địa chỉ: Phòng 319, KVIP, đường số 8, Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam)

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VW" được thực hiện bởi phòng thử nghiệm Chi nhánh Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng tại miền Bắc (Địa chỉ: Unit 7A, Nhà xưởng Cao Tầng - Toà 1, Số 2, Đường BH5, VSIP Bắc Ninh, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam)

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thử nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" được thực hiện tại các phòng thử nghiệm khác của Eurofins.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238

